TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 162/2023/DS-PT Ngày: 06 - 9 - 2023 V/v: *"Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Nhàn – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Trần Minh Công - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2023/TLPT-DS ngày 21/7/2023, về việc *"Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 24/5/2023 Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2023/QĐ-PT ngày 08/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 408/2023/QĐ-PT ngày 25/8/2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 570/2023/TB-PT ngày 30/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1972; Địa chỉ: thôn P KT, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Chí T, sinh năm 1967; Địa chỉ: tổ dân phố M, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Uỷ ban nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng;

Trụ sở: đường H tháng B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Đức Đ - Chức vụ: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Đơn Dương;

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lưu Đình C - Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Đơn Dương; theo Giấy uỷ quyền tham gia tố tụng số 01/UQ-UBND ngày 15/2/2022 của Uỷ ban nhân dân huyện Đơn Dương. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.2. Bà Lê Thị S, sinh năm 1939; Địa chỉ: số MBM, Tổ dân phố M, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Lê Thị S: Ông Lê Chí T, sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; theo giấy uỷ quyền được Uỷ ban nhân dân thị trấn D chứng thực số 31, quyển số 01-SCT/CK,CĐ ngày 23/3/2023. (Có mặt)

3.3. Anh Huỳnh Minh T1, sinh năm 1997; Anh Huỳnh Minh T2, sinh năm 2000; Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

Theo Quyết định kháng nghị số: 01/QĐ-VKS-DS ngày 06/6/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương và đơn kháng cáo ngày 02/6/2023 của bị đơn ông Lê Chí T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà Huỳnh Thị H và ông Lê Chí T trước đây là vợ chồng, năm 2008 ông T yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với bà H. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số: 04/2008/QĐST-HNGĐ ngày 30/01/2008 của Toà án nhân dân huyện Đơn Dương thì bà Huỳnh Thị H và ông Lê Chí T mỗi người được nhận diện tích đất 270,5m² trong tổng diện tích đất 541m² thuộc thửa 40, tờ bản đồ số 14 thị trấn D, huyện Đơn Dương. Căn cứ Quyết định nêu trên, bà H đã đi làm thủ tục và được Uỷ ban nhân dân (Viết tắt UBND) huyện Đơn Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt GCNQSDĐ) số BM 573350 ngày 02/01/2013, diện tích 270,5m² thuộc một phần thửa 616 tờ bản đồ 14 thị trấn D, huyện Đơn Dương.

Nguyên đơn bà H cho rằng diện tích đất 541m² thuộc thửa 40, tờ bản đồ số 14 thị trấn D, huyện Đơn Dương có nguồn gốc là vào năm 1999 bà Lê Thị S viết giấy tay uỷ quyền sử dụng đất ông T bà H, sau đó được sự thống nhất của bà S, ông T thì bà H mới đi làm thủ tục để được xét cấp GCNQSDĐ diện tích đất 541m² đứng tên bà H, ông T, nên bà H xác định đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà và ông T. Sau khi được UBND huyện Đơn Dương cấp GCNQSDĐ, do chưa có nhu cầu sử dụng nên bà H để lại toàn bộ phần diện tích đất được cấp cho ông T tạm thời quản lý sử dụng. Năm 2021, bà H có nhu cầu lấy lại đất thì bị đơn ông T nhiều lần cản trở, không đồng ý trả lại cho bà H. Nên bà H khởi kiện yêu cầu ông Lê Chí T trả lại cho bà toàn bộ diện tích đất 270,5m² thuộc thửa 616 tờ bản đồ số 14 thị trấn D, huyện Đơn Dương.

Bị đơn ông Lê Chí T cho rằng nguồn gốc diện tích đất 541m² thuộc thửa 40 tờ bản đồ số 14 toạ lạc tại thị trấn D, huyện Đơn Dương trước đây là của bà Lê Thị S (mẹ ruột ông), năm 1990 nhằm tạo điều kiện để ông T có vốn làm ăn và nuôi các con, nên bà S có viết giấy tay ủy quyền cho ông T được sử dụng diện tích 541m², nhưng toàn bộ quá trình làm thủ tục xét cấp GCNQSDĐ do bà H tự ý đi làm.

Từ thời điểm ly hôn năm 2008 cho đến nay 02 con chung của ông T, bà H là anh Huỳnh Minh T1, anh Huỳnh Minh T2 do một mình ông T nuôi dưỡng, bà H bỏ đi không có trách nhiệm với các con, nên ông T phải canh tác sử dụng diện tích đất nêu trên nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt và nuôi các con. Năm 2021, bà H trở về và tranh chấp phần diện tích đất 270,5m². Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông T không đồng ý trả lại diện tích đất 270,5m² thuộc thửa 616, tờ bản đồ 14, thị trấn D mà ông yêu cầu để lại phần diện tích đất này cho các con là anh Huỳnh Minh T1, Huỳnh Minh T2. Đồng thời, ông Lê Chí T phản tố yêu cầu huỷ GCNQSDĐ số BM 573350 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 02/01/2013 đứng tên Huỳnh Thị H vì theo ông bà S không ký vào các văn bản nhưng bà H vẫn tự mình đi làm thủ tục để được xét cấp phần diện tích đất 541m² nêu trên nên việc UBND huyện Đơn Dương cấp GCNQSDĐ nêu trên là không đúng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn thì nguyên đơn không đồng ý vì cho rằng việc UBND huyện Đơn Dương cấp GCNQSDĐ quyền sử dụng đất số BM 573350 ngày 02/01/2013 đứng tên Huỳnh Thị H là căn cứ vào Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 04/2008/QĐST-HNGĐ ngày 30/01/2008 của Toà án nhân dân huyện Đơn Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị S, anh Huỳnh Minh T1, Huỳnh Minh T2 thống nhất với ý kiến của ông Lê Chí T là yêu cầu huỷ GCNQSDĐ số đất BM 573350 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 02/01/2013 đứng tên Huỳnh Thị H và yêu cầu bà Huỳnh Thị H trả lại cho bà S diện tích đất 270,5m² thuộc thửa 616, tờ bản đồ 14 thị trấn D, huyện Đơn Dương.

Toà án đã T1 hành hoà giải nhưng các bên đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 24/5/2023 của Toà án nhân dân huyện Đơn Dương đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hà về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất" đối với bị đơn ông Lê Chí T.

Buộc ông Lê Chí T có nghĩa vụ trả lại cho bà Huỳnh Thị H toàn bộ diện tích đất 270,5m² thuộc thửa 616, tờ bản đồ 14, toạ lạc tại thị trấn D, huyện Đơn Dương; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 573350 do Uỷ ban nhân dân huyện Đơn

Dương cấp ngày 02/01/2013 (có sơ đồ kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Giao cho bà H được sử dụng toàn bộ cây trồng trên đất theo Biên bản ngày 08/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đơn Dương. Buộc bà Huỳnh Thị H có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Chí T số tiền 33.908.000đ *(Ba mươi ba triệu chín trăm lẻ tám nghìn đồng)*.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Chí T về việc yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 573350 do Uỷ ban nhân dân huyện Đơn Dương cấp ngày 02/01/2013 cho bà Huỳnh Thị H.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Lê Thi S về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị H trả lại diện tích đất 270,5m² thuộc thửa số 616 tờ bản đồ số 14, toạ lạc tại thị trấn D, huyện Đơn Dương.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi Hnh của các đương sự.

Ngày 02/6/2023, bị đơn ông Lê Chí T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 06/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương có Quyết định Kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS đối với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng: Hủy bản án sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 24/5/2023 của Toà án nhân dân huyện Đơn Dương theo hướng: Cần thẩm định tại chỗ và đo vẽ diện tích đất đang tranh chấp giữa bà Huỳnh Thị H và ông Lê Chí T.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông Lê Chí T về việc yêu cầu hủy GCNQSĐ đất BM 573350 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 02/01/2013 đứng tên Huỳnh Thị H và và đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Lê Thị S về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị H trả lại diện tích đất 270,5m^2 thuộc thửa 616 tờ bản đồ 14 thị trấn D, huyện Đơn Dương.

Tại phiên tòa,

Bị đơn ông Lê Chí T giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông;

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H không kháng cáo và không đồng ý với kháng cáo của ông T và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Các đương sự còn lại không kháng cáo.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng thay đổi nội dung kháng nghị đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, cụ thể:

Đối với nội dung thẩm định tại chỗ và đo vẽ diện tích đất đang tranh chấp giữa bà Huỳnh Thị H và ông Lê Chí T. Diện tích đất đang tranh chấp trong vụ án

này có nguồn gốc rõ ràng được các đương sự và UBND huyện Đơn Dương xác nhận, việc cấp GCNQDĐ là theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nên việc đo vẽm xem xét thẩm định tại chỗ trong vụ án này (khi đương sự cản trở, gây khó khăn) là không cần thiết và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Lê Chí T về việc yêu cầu hủy GCNQSĐ đất BM 573350 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 02/01/2013 đứng tên Huỳnh Thị H và yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Lê Thị S về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị H trả lại diện tích đất 270,5m² thuộc thửa số 616 tờ bản đồ số 14, toạ lạc tại thị trấn D, huyện Đơn Dương. Thì theo nội dung án lệ số 38/2020/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án án nhân dân tối cao thông qua ngày 13/8/2020 thì *"Sau khi tài sản là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đã được phân chia bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án thì có người khác (không phải là đương sự trong vụ án đó) khởi kiện đòi quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đó"*. Việc Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương thụ lý yêu cầu trên của ông T và bà S là không đúng với nội dung án lệ số 38. Tuy nhiên, việc xét xử không chấp nhận yêu cầu trên của ông T và bà S là phù hợp và không làm ảnh hưởng đến bản chất của vụ án; sau khi xét xử sơ thẩm thì bà S cũng không kháng cáo nên cần sửa cách tuyên theo hướng đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu trên là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đồng thời nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn T, chấp nhận việc thay đổi nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa án sơ thẩm theo hướng đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của ông Tưởng và yêu cầu độc lập của bà S, giữ nguyên các phần khác còn lại của bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Lưu Đình Châu có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án T1 hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là *"Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất; yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy rằng:

[3.1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông T nộp trong hạn luật định. Người kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 271,

Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[3.2] Xét về nguồn gốc diện tích đất các bên đang tranh chấp:

Bà Huỳnh Thị H và ông Lê Chí T trước đây là vợ chồng hợp pháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 211, quyển số 04 do UBND thị trấn D cấp ngày 28/01/1994.

Sau khi bà H và ông T kết hôn, ngày 12/4/1998 bà Lê Thị S ký giấy uỷ quyền sử dụng đất và người được uỷ quyền là ông Lê Chí T, nội dung thể hiện "Tôi đứng tên dưới đây là Lê Thị S.....nguyên tôi có một thửa đất với diện tích là 1000m^2 toạ lạc tại Khóm III D vị trí tại đồi cam, đất tự khai phá từ năm 1975. Để tạo điều kiện cho con trai tôi là Lê Chí T có điều kiện làm ăn, tôi và gia đình thống nhất uỷ quyền lại cho con là Lê Chí T được sử dụng diện tích đất nói trên từ năm 1990, và phải có trách nhiệm nghĩa vụ với nhà nước, nếu có mọi tranh chấp gì tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm...".

Như vậy, sau khi được bà S ủy quyền cho ông T "…được sử dụng diện tích đất nói trên từ năm 1990, và phải có trách nhiệm nghĩa vụ với nhà nước, nếu có mọi tranh chấp gì tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm..." sau đó, ông T đăng ký và được UBND huyện Đơn Dương cấp GCNQSDĐ số AB 410123 ngày 12/11/2004 đối với diện tích 541m^2 thuộc thửa 40, tờ bản đồ 14, thị trấn D, huyện Đơn Dương cho hộ ông Lê Chí T là phù hợp.

Sau khi được cấp GCNQSDĐ, ngày 23/10/2005, gia đình ông T chuyển nhượng diện tích 636m^2 cho hộ bà Nguyễn Thị Hồng Cúc theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 15/7/2005 và đã được điều chỉnh nội dung thay đổi tại trang 4 của GCNQSDĐ theo quy định. Đến năm 2008, quá trình giải quyết việc ly hôn giữa ông T và bà H, thì: Tại Biên bản hoà giải con cái tài sản đề ngày 15/01/2008 và ngày 21/01/2008, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22/01/2008 của Toà án nhân dân huyện Đơn Dương thì ông T và bà H đều thống nhất xác nhận diện tích 541m^2 thuộc thửa 40, tờ bản đồ 14, thị trấn D, huyện Đơn Dương là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và thoả thuận phân chia ông T, bà H mỗi người được nhận 1/2 diện tích đất trên.

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có cơ sở xác định: thửa đất 616 được tách ra từ thửa 40 trước đây có nguồn gốc do bà Lê Thị S cho ông Lê Chí T vào năm 1999, UBND huyện Đơn Dương cấp GCNQSDĐ đứng tên hộ gia đình ông Lê Chí T vào năm 2004 và trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn, các đương sự cũng xác định đây là tài sản chung hợp pháp trong thời kỳ hôn nhân của ông T và bà H. Đồng thời, trên cơ sở thống nhất thỏa thuận giữa các bên đương sự, Toà án nhân dân huyện Đơn Dương đã tạm giao cho bà Huỳnh Thị H bà ông Lê Chí T mỗi người được sử dụng 1/2 diện tích 541m^2 thuộc thửa 40, tờ

bản đồ 14, thị trấn D, huyện Đơn Dương, theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 04/2008/QĐST-HNGĐ ngày 30/01/2008. Quyết định cũng nêu rõ bà H và ông T có nghĩa vụ làm thủ tục để được cấp GCNQSDĐ được tạm giao.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, bà H đã đăng ký kê khai và được cấp GCNQSDĐ theo quy định. Đồng thời, tại văn bản số 342/UBND-TNMT ngày 07/3/2022 của UBND huyện Đơn Dương (bút lục 159) thể hiện: việc xét cấp GCNQSDĐ số BM 573350 ngày 02/01/2013 cho bà Huỳnh Thị H là căn cứ theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 04/2008/QĐST-HNGĐ ngày 30/01/2008 của Toà án nhân dân huyện Đơn Dương. Hồ sơ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Đơn Dương đề nghị tại tờ trình số 685/TTr-VP-ĐK ngày 29/10/2012. Sau khi kiểm tra hồ sơ, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đơn Dương có tờ trình số 896/TTr-TN&MT ngày 27/12/2012 về việc đề nghị huỷ và cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho bà Huỳnh Thị H. UBND huyện Đơn Dương đã ban hành Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 02/01/2013 cấp GCNQSDĐ số BM 573350 cho bà Huỳnh Thị H. Sau đó, bà H đã đi làm thủ tục để chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển đổi.

Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, nhận thấy trình tự, thủ tục xét cấp GCNQSDĐ số BM 573350 diện tích 270,5m^2 cho bà Huỳnh Thị H là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, sau khi được cấp GCNQSDĐ, ông T, bà H đã chuyển nhượng 636m^2 đất cho bà Cúc thì bà S cũng không có ý kiến, khiếu nại gì về việc cấp GCNQSDĐ. Trong quá trình bà H làm đơn yêu cầu thi hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 04/2008/QĐST-HNGĐ ngày 30/01/2008 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương thì bà S và ông T đã làm rất nhiều đơn khiếu nại gởi đến các cơ quan chức năng và đã được trả lời. Sau khi Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 04/2008/QĐST-HNGĐ ngày 30/01/2008 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương được thi hành xong và UBND huyện Đơn Dương đã cấp GCNQSDĐ cho bà H thì ông T và những người liên quan không có ý kiến gì về việc cấp GCNQSDĐ và cũng không có tranh chấp gì, chỉ đến khi bà H về đòi lại quyền sử dụng đất thì các bên mới phát sinh tranh chấp. Trong quá trình sử dụng đất ông T có trồng một số cây trồng trên đất nên Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông Lê Chí T có nghĩa vụ trả lại cho bà Huỳnh Thị H toàn bộ diện tích đất 270,5m² thuộc thửa 616, tờ bản đồ 14, toạ lạc tại thị trấn D, huyện Đơn Dương; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 573350 do Uỷ ban nhân dân huyện Đơn Dương cấp ngày 02/01/2013 và giao cho bà H được sử dụng toàn bộ cây trồng trên đất theo Biên bản ngày 08/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đơn Dương. Buộc bà

Huỳnh Thị H có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Chí T số tiền 33.908.000đ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[4] Đối với Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, thấy rằng:

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã thay đổi nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương từ hủy bản án sơ thẩm sang sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên theo hướng đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của ông T; yêu cầu độc lập của bà S về việc yêu cầu hủy GCNQSĐ đất BM 573350 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 02/01/2013 đứng tên Huỳnh Thị H và đình chỉ yêu cầu độc lập của bà S về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị H trả lại diện tích đất 270,5m² thuộc thửa số 616 tờ bản đồ số 14, toạ lạc tại thị trấn D, huyện Đơn Dương, thì thấy rằng:

Việc Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương thụ lý yêu cầu phản tố của ông T; yêu cầu độc lập của bà S về việc yêu cầu hủy GCNQSĐ đất BM 573350 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 02/01/2013 đứng tên Huỳnh Thị H và đình chỉ yêu cầu độc lập của bà S về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị H trả lại diện tích đất 270,5m² thuộc thửa số 616 tờ bản đồ số 14, toạ lạc tại thị trấn D, huyện Đơn Dương là không đúng với nội dung án lệ số 38/2020/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 13/8/2020 và được công bố theo Quyết định 276/QĐ-CA ngày 02/10/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, tình huống án lệ quy định: "Sau khi tài sản là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đã được phân chia bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án thì có người khác (không phải là đương sự trong vụ án đó) khởi kiện đòi quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đó. Trường hợp này, Tòa án không thụ lý vụ án mới…"

Do đó, cấn chấp nhận nội dung kháng nghị Viện kiêm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng và đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu này.

[5] Từ những phân tích trên, bị đơn ông Lê Chí T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để làm thay đổi tính chất, nội dung vụ án. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T. Có căn cứ chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích trên.

[6]. Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí tố tụng là 2.000.000đ, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H đã đóng và tự nguyện nhận chịu toàn bộ số tiền trên.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Chí T

Chấp nhận việc thay đổi nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, sửa bản án sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 24/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H về việc *"Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất"* đối với bị đơn ông Lê Chí T.

1.1. Buộc ông Lê Chí T có nghĩa vụ trả lại cho bà Huỳnh Thị H toàn bộ diện tích đất 270,5m² thuộc thửa 616 tờ bản đồ 14, toạ lạc tại thị trấn D, huyện Đơn Dương; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 573350 do Uỷ ban nhân dân huyện Đơn Dương cấp ngày 02/01/2013 (có sơ đồ kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

1.2. Giao cho bà H được sử dụng toàn bộ cây trồng trên đất theo Biên bản ngày 08/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đơn Dương. Buộc bà Huỳnh Thị H có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Chí T số tiền 33.908.000đ *(Ba mươi ba triệu chín trăm lẻ tám nghìn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Lê Thi S về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 573350 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 02/01/2013 đứng tên Huỳnh Thị H.

2.4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Lê Thi S về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị H trả lại diện tích đất 270,5m² thuộc thửa số 616 tờ bản đồ số 14, toạ lạc tại thị trấn D, huyện Đơn Dương.

3. Về chi phí tố tụng: bà Huỳnh Thị H tự nguyện nhận chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng là 2.000.000đ (Bà H đã nộp đủ và được Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương quyết toán xong).

4. Về án phí:

4.1. Buộc bà Huỳnh Thị H phải chịu 1.695.400đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0006609 ngày 23/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Bà H còn phải nộp số tiền 1.395.400đ *(Một triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Ông Lê Chí T phải chịu 600.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Lê Chí T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0009428 ngày 21/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Ông Lê Chí T còn phải nộp số tiền 600.000đ *(Sáu trăm nghìn đồng)*.

4.3. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị S.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện Đơn Dương (02);
- Chi cục THADS H. Đơn Dương (01);
- Đương sự (04);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Thanh